TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11 – 4 – 2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đàm Thị Thanh Loan.

2. Ông Nguyễn Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Triệu Thị N, sinh năm 1972, địa chỉ cư trú: Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Thanh P, sinh năm 1971, địa chỉ cư trú: Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Triệu Thị N trình bày và yêu cầu như sau:

Bà Triệu Thị N và ông Trần Thanh P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà N và ông P có 02 con chung là Trần Quốc D, sinh năm 1995 và Trần Kim N1, sinh năm 2001. Hiện nay, các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng. Trong thời gian đầu, bà N và ông P chung sống hạnh phúc nhưng sau đó giữa ông, bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được. Bà N cho rằng giữa bà và ông P đã hết tình cảm, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân.

Nay bà Triệu Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận bà Triệu Thị N và ông Trần Thanh P không phải là vợ chồng;

- Về con chung: Các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Triệu Thị N trình bày thêm hiện nay bà và ông Trần Thanh P đều có cuộc sống ổn định riêng, trên thực tế không còn sống chung với nhau. Vì vậy, bà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông Trần Thanh P ly hôn, không có yêu cầu nào khác.

Ý kiến của bị đơn ông Trần Thanh P như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn Triệu Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Trần Thanh P, cư trú tại khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "*Ly hôn*" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Trần Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Trần Thanh P.

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn bà Triệu Thị N trình bày về quan hệ nam nữ chung sống như vợ chồng xác lập từ năm 1991 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; các con chung đã đều đã thành niên và có đủ năng lực hành vi dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý cho đến phiên tòa sơ thẩm thì bị đơn đều vắng mặt. Kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã được Tòa án thông báo hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì khác đối với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, HĐXX xác định đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy bà N và ông P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà N và ông P không được pháp luật công

nhận là vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Triệu Thị N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà N và ông P là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Các con chung của bà N và ông P đều đã thành niên và không thuộc các trường hợp khác quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 2 Điều 53, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Triệu Thị N.

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Triệu Thị N và ông Trần Thanh P.

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Triệu Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006372 ngày 14-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Ông Trần Thanh P không phải chịu án phí.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người

đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- UBND Phường 1, thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm